TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2024
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất
Ông Đặng Quang Hoạch
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Lê Đình Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị Thùy L** – sinh năm 1993
Địa chỉ: Số 17 ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Đức Q** – sinh năm 1993
Địa chỉ: Số 48 ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai
(chị L, anh Q cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Phạm Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Q tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Anh Q không lo làm ăn, kinh tế, không có trách nhiệm với gia đình. Từ năm 2023 đến nay vợ chồng không sống chung với nhau. Nay tình cảm của chị L đối với anh Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại tòa, chị xác định giữa chị và

anh Q không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức Q.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Phạm Diễm M, sinh ngày 25/3/2015 và Nguyễn Phạm Tú Q, sinh ngày 10/3/2017.

Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/5/2024, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Đức Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có văn bản trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị L được ly hôn với anh Q. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Phạm Diễm M, sinh ngày 25/3/2015 và Nguyễn Phạm Tú Q, sinh ngày 10/3/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị L không yêu cầu anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị L phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị Thùy L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức Q, sinh năm: 1993, địa chỉ: Số 48, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu được nuôi con nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị L nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết theo thủ tục thông thường.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị L.

Anh Nguyễn Đức Q đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến, nộp bản tự khai. Tuy nhiên, trong những lần làm việc của Tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Q vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Q.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh Q tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã B, huyện T cấp giấy chứng số 209/BS, quyển số 02/2004 ngày 03/11/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị L nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh Q với lý do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh Q không lo làm ăn kinh tế dẫn đến nợ nần, hiện không còn tình cảm với nhau nên vợ chồng không sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay và trong quá trình giải quyết vụ án chị L kiên quyết ly hôn, đề nghị không tiến hành hòa giải với anh Q, mặt khác Tòa án đã triệu tập anh Q nhiều lần nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh không muốn hàn gắn, hòa giải đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Q là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Chị L và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Phạm Diễm M, sinh ngày 25/3/2015 và Nguyễn Phạm Tú Q, sinh ngày 10/3/2017. Ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Xét, yêu cầu được nuôi con chung của chị L thì thấy: Hiện cháu M và cháu Q đang được chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đồng thời cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, do vậy, để ổn định môi trường sống cũng như điều kiện phát triển của con chung, HĐXX nhận thấy yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị L là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu nên anh Nguyễn Đức Q tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.4] Về tài sản chung: Chị L khai không có, không yêu cầu giải quyết, anh Q không có ý kiến trình bày nên HĐXX không xem xét.

[3.5] Nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị Huỳnh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy L về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* với anh Nguyễn Đức Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thùy L được ly hôn với anh Nguyễn Đức Q.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Phạm Diễm M, sinh ngày 25/3/2015 và Nguyễn Phạm Tú Q, sinh ngày 10/3/2017 cho chị Phạm Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tạm thời anh Nguyễn Đức Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đức Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Thùy L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006712 ngày 14/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Phạm Thị Thùy L đã nộp đủ án phí.

6. Chị Phạm Thị Thùy L, anh Nguyễn Đức Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Trảng Bom;
- THA H.Trảng Bom;
- UBND xã Bắc Sơn, h. Trảng Bom, t. Đồng Nai
(Số CNKH: 209 ngày 03/11/2004)

Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Và Kíu